

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Ứng Hòa thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn – Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa (địa bàn thôn Triều Khúc, xã Hòa Xá)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Hòa Xá)

ST T	Họ tên chủ sử dụng, quản lý	Số CCCD	Địa chỉ thửa đất	Xứ đồng	Thông tin theo bản đồ GPMB						Bồi thường về đất (đ)	Bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ (đ)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đ)	Ghi chú	
					Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích (m2)	DT thu hồi thực hiện dự án (m2)	DT nhỏ lẻ thu hồi nốt, bên phải tuyến (m2)	Diện tích còn lại (m2)								Loại đất
I	Đất hộ gia đình, cá nhân:					9.035,9	1.525,7	22,6	7.487,6		239.986.500	13.711.440	70.218.000	1.199.932.500	15.483.000	1.539.331.440		
1	Hộ ông Trần Văn Đức	001075021818	Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	8	1.460,8	20,9		1.439,9	LUC	3.239.500	160.930	4.482.000	16.197.500	209.000	24.288.930	
2	Hộ bà Đỗ Thị Chinh	001159032864	Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	9	577,7	34,2		543,5	LUC	5.301.000	263.340	2.988.000	26.505.000	342.000	35.399.340	
3	Hộ bà Đỗ Thị Thoa	001133001259	Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	10	225,7	32,8		192,9	LUC	5.084.000	252.560	2.988.000	25.420.000	328.000	34.072.560	
4	Hộ ông Lê Hồng Sơn (Xuân)	001068013403	Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	10A	341,4	70,4		271,0	LUC	10.912.000	542.080	5.976.000	54.560.000	704.000	72.694.080	
5	Hộ ông Lê Văn Vinh	001067012534	Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	23	338,7	219,0	22,6	97,1	LUC	37.448.000	1.860.320	5.976.000	187.240.000	2.416.000	234.940.320	
6	Hộ ông Trần Thanh Tùng	001061020956	Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	43	451,9	282,1		169,8	LUC	43.725.500	2.172.170	5.976.000	218.627.500	2.821.000	273.322.170	
7	Hộ ông Trần Xuân Chinh	001057008143	Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	14	537,6	268,5		269,1	LUC	41.617.500	2.067.450	10.458.000	208.087.500	2.685.000	264.915.450	
8	Hộ bà Đỗ Thị Hải (đã chết), đại diện cháu trai là ông Đỗ Mạnh Hùng	001062047530	Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	38	676,5	428,4		248,1	LUC	66.402.000	3.298.680	5.976.000	332.010.000	4.284.000	411.970.680	
9	Hộ ông Trần Văn Bình (Hà)	001076026325	Thôn Triều Khúc	Nam Ninh	15	57A	457,1	38,8		418,3	LUC	6.014.000	298.760	7.470.000	30.070.000	388.000	44.240.760	
10	Hộ ông Đỗ Văn Kiềm	001068024032	Thôn Triều Khúc	Năm Mầu Dưới	16	5	1.475,4	54,0		1.421,4	LUC	8.370.000	415.800	5.976.000	41.850.000	540.000	57.151.800	
11	Hộ bà Lê Thị Nguyên (Liên)	001165002086	Thôn Triều Khúc	Năm Mầu Dưới	16	8	1.134,6	40,5		1.094,1	LUC	6.277.500	311.850	4.482.000	31.387.500	405.000	42.863.850	
12	Hộ ông Đỗ Xuân Trà	001065011903	Thôn Triều Khúc	Năm Mầu Dưới	16	17	906,2	32,2		874,0	LUC	4.991.000	326.500	7.470.000	24.955.000	322.000	38.064.500	
13	Hộ ông Đỗ Xuân Trà	001065011903	Thôn Triều Khúc	Năm Mầu Dưới	16	28	452,3	3,9		448,4	LUC	604.500	1.741.000	0	3.022.500	39.000	5.407.000	

ST T	Họ tên chủ sử dụng, quản lý	Số CCCD	Địa chỉ thửa đất	Xứ đồng	Thông tin theo bản đồ GPMB						Bồi thường về đất (đ)	Bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ (đ)	Tổng số tiền tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đ)	Ghi chú
					Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích (m2)	DT thu hồi thực hiện dự án (m2)	DT nhỏ lẻ thu hồi nốt, bên phải tuyến (m2)	Diện tích còn lại (m2)							
II	Đất do UBND xã Hòa Xá quản lý:						59.678,4	20.915,9	0,0	38.762,5		0	0	0	0	0	0
1	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	18	367,0	238,0		129,0	LUC	0	0	0	0	0	0
2	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	48	124,9	70,7		54,2	LUC	0	0	0	0	0	0
3	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	2	333,0	122,3		210,7	DGT	0	0	0	0	0	0
4	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	5	449,2	206,3		242,9	DGT	0	0	0	0	0	0
5	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Nghĩa Trang Bò	15	16	61,0	38,2		22,8	DTL	0	0	0	0	0	0
6	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	17	205,6	120,8		84,8	DGT	0	0	0	0	0	0
7	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	19	177,5	111,9		65,6	DGT	0	0	0	0	0	0
8	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	46	388,3	172,6		215,7	DGT	0	0	0	0	0	0
9	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	35	797,6	130,6		667,0	DGT	0	0	0	0	0	0
10	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	15	58	453,6	453,6		0,0	DGT	0	0	0	0	0	0
11	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Cổ Cò - Bảy Mẫu	16	29	1.703,9	116,2		1.587,7	LUC	0	0	0	0	0	0
12	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đường Tây	16	26	744,3	473,1		271,2	LUC	0	0	0	0	0	0
13	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Năm Miu Trên	16	15	2.029,1	1.790,4		238,7	DGT	0	0	0	0	0	0
14	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Nỏ Xen	13	16	802,1	1,0		801,1	NTS	0	0	0	0	0	0
15	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nỏ Xen	13	18	6.732,9	2.359,2		4.373,7	NTS	0	0	0	0	0	0
16	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nỏ Xen	13	21	254,9	92,2		162,7	DGT	0	0	0	0	0	0
17	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nỏ Xen	13	25	486,7	173,3		313,4	DGT	0	0	0	0	0	0
18	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nỏ Xen	13	32	991,5	910,5		81,0	LUC	0	0	0	0	0	0

ST T	Họ tên chủ sử dụng, quản lý	Số CCCD	Địa chỉ thửa đất	Xứ đồng	Thông tin theo bản đồ GPMB						Loại đất	Bồi thường về đất (đ)	Bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ (đ)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đ)	Ghi chú
					Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích (m2)	DT thu hồi thực hiện dự án (m2)	DT nhỏ lẻ thu hồi nốt, bên phải tuyến (m2)	Diện tích còn lại (m2)								
19	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	13	33	596,1	201,9		394,2	DGT	0	0	0	0	0	0	
20	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	13	30	75,1	71,4		3,7	DGT	0	0	0	0	0	0	
21	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	1	1.011,6	287,3		724,3	DGT	0	0	0	0	0	0	
22	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	4	673,0	213,1		459,9	DTL	0	0	0	0	0	0	
23	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	5	1.798,7	553,2		1.245,5	DTL	0	0	0	0	0	0	
24	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	6	1.460,1	392,2		1.067,9	DGT	0	0	0	0	0	0	
25	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	8	3.726,6	558,5		3.168,1	NTS	0	0	0	0	0	0	
26	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	11	696,9	411,3		285,6	NTS	0	0	0	0	0	0	
27	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	12	236,0	192,6		43,4	NTS	0	0	0	0	0	0	
28	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	13	2.219,3	1.960,0		259,3	NTS	0	0	0	0	0	0	
29	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	16	11.000,0	5.254,8		5.745,2	DGT	0	0	0	0	0	0	
30	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	18	2.398,2	309,9		2.088,3	DGT	0	0	0	0	0	0	
31	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc	Đồng Nổ Xen	14	15	7.512,2	331,0		7.181,2	NTS	0	0	0	0	0	0	
32	UBND xã Hòa Xá		Thôn Triều Khúc		14	17	9.171,5	2.597,8		6.573,7	NTS	0	0	0	0	0	0	
Tổng I+II:							68.714,3	22.441,6	22,6	46.250,1		239.986.500	13.711.440	70.218.000	1.199.932.500	15.483.000	1.539.331.440	